CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG (HNX: TNG)

BÁO CÁO CẬP NHẬT - 03/11/2026

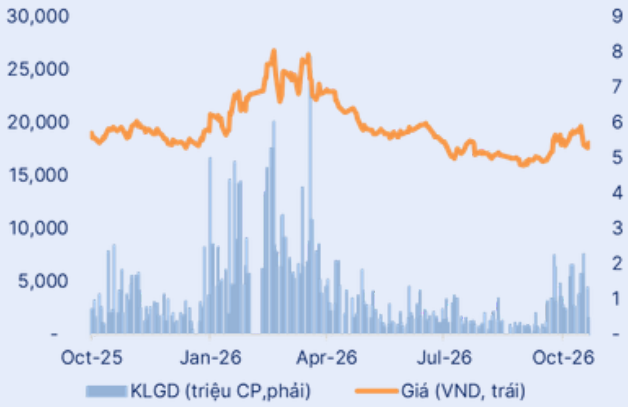
Chuyên viên phân tích
Vũ Nhật Ánh
anh.vn@shs.com.vn

Khuyến nghị:	**KHẢ QUAN**
Giá hiện tại (03/11/2026):	18.100 VND
Giá mục tiêu:	**21.600 VND**
% tăng/giảm giá:	**+19,3%**

Thông số cơ bản:

Vốn hóa (tỷ VND):	2.330
Số lượng CP lưu hành:	134,861,326
KLCP đang niêm yết:	122,601,206
KLGD trung bình 10 phiên (CP):	1,438,600
Giá thấp 52w:	15.677
Giá cao 52W:	24.715
Sở hữu nhà nước:	0%
Sở hữu NĐT nước ngoài:	22,18%
Free-float:	57,6%

Diễn biến giá cổ phiếu



Nguồn: SHS Research, FiinProX

	2024	2025	2026F
Tổng tài sản	5.817	6.910	8.021
Vốn chủ	1.892	2.002	2.279
Doanh thu	7.656	8.699	10.477
Lãi sau thuế	315	393	470
ROE	17,4%	20,2%	22,0%
ROA	5,7%	6,2%	6,3%
EPS (VND)	2.568	3.054	3.652
BVPS (VND)	15.436	15.555	17.707

KẾT QUẢ KINH DOANH TĂNG TRƯỞNG TÍCH CỰC, LỢI NHUẬN QUÝ III TIẾP TỤC LẬP ĐỈNH

Sau khi cập nhật kết quả kinh doanh quý III/2026 và điều chỉnh mô hình định giá DCF, SHS đưa ra khuyến nghị **Khả quan** với mức giá mục tiêu trong vòng 12 tháng tới là 21.600 VND/cổ phiếu, cao hơn 19,3% so với mức giá đóng cửa ngày 03/11/2026.

- **Ghi nhận KQKD Q3/2026 cao nhất lịch sử, biên gộp cải thiện so với cùng kỳ.** Doanh thu thuần đạt 3.229 tỷ VND (+22,6% YoY), LNST đạt 151,5 tỷ VND (+29,5% YoY). Biên lợi nhuận gộp phục hồi lên 14,1%, tăng 0,5 điểm % YoY. Lũy kế 9T/2026, doanh thu và LNST lần lượt tăng 21,3% và 29,0% YoY, hoàn thành 85,2% và 80,4% kế hoạch năm.
- **Động lực tăng trưởng từ các khách hàng chiến lược:** Decathlon tiếp tục duy trì vai trò khách hàng lớn nhất với tỷ trọng 30,5% doanh thu (+28,1% YoY). Haddad tăng trưởng mạnh 195,7% YoY, chiếm 15,4% doanh thu nhờ nhu cầu trang phục thể thao phục vụ World Cup và sức mua cải thiện tại Mỹ. MGF (Victoria's Secret) cũng ghi nhận doanh thu 9T/2026 tăng hơn 5 lần cùng kỳ, mở ra dư địa tăng trưởng mới.
- **Chi phí lãi vay và nhu cầu vốn lưu động tăng nhanh,** gây áp lực lên dòng tiền: tổng dư nợ vay và nợ thuê tài chính đạt 4.194 tỷ VND (+31,6% YoY). Chi phí lãi vay 9T/2026 đạt 220,7 tỷ VND (+26,8% YoY), tăng do nhu cầu vốn lưu động phục vụ mở rộng sản xuất; phải thu khách hàng tăng 70% so với đầu năm lên 1.696 tỷ VND.
- Doanh thu dự phóng năm 2027F đạt 11.561 tỷ VND (+10,4% YoY), LNST công ty mẹ đạt 488 tỷ VND (+3,9% YoY), EPS đạt 3.794 VND/cổ phiếu, tương ứng P/E fw 4,8x.

RỦI RO

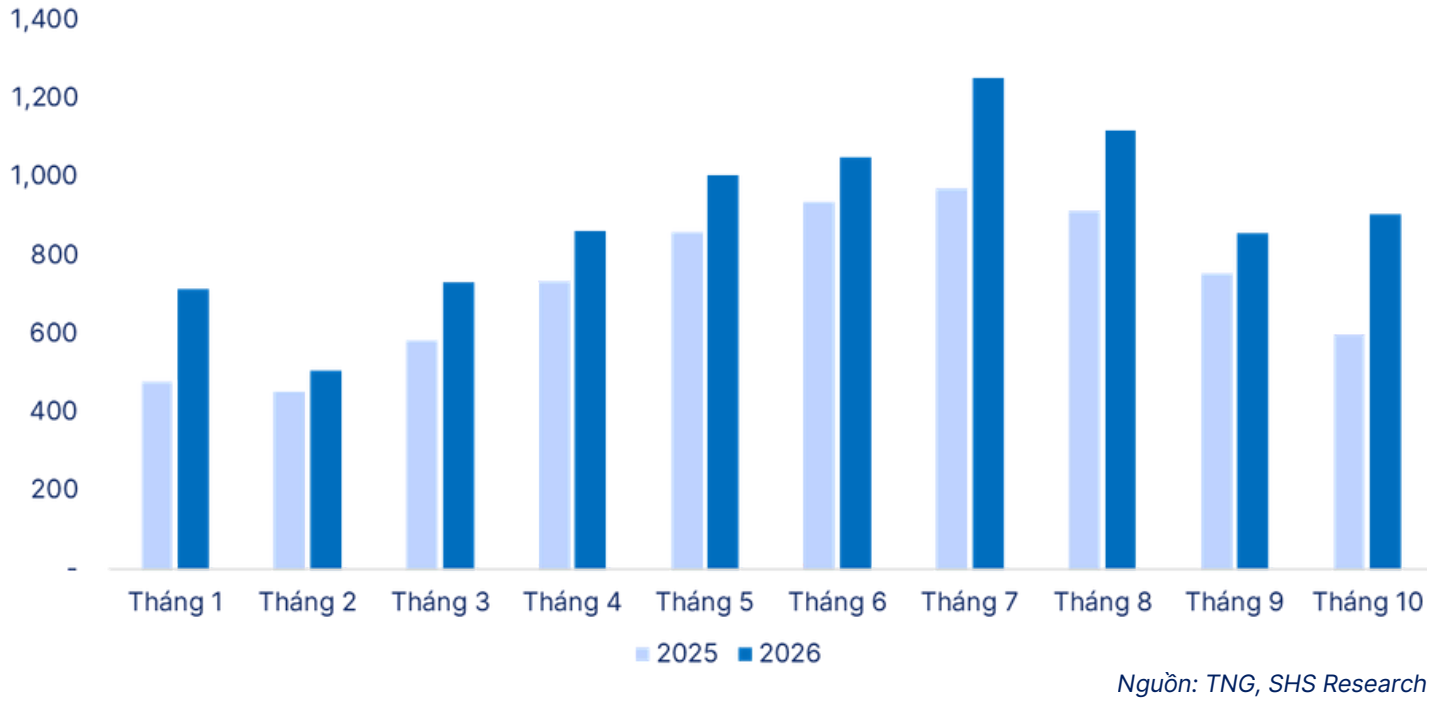
- TNG đối mặt với rủi ro chính từ: **đòn bẩy tài chính cao** (tổng dư nợ 4.194,0 tỷ VND, gấp 2,06 lần VCSH), rủi ro thuế quan và quy tắc xuất xứ tại thị trường Mỹ, rủi ro đầu tư ngoài ngành, và rủi ro biến động sức mua tại các thị trường xuất khẩu chính...

KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Q3/2026	Q3/2025	%yoy	9T/2026	9T/2025	%yoy
Doanh thu thuần	**3.229,0**	***2.632,8***	**+22,6%**	***8.095,2***	**6.671,1**	***+21,3%***
Giá vốn hàng bán	(2.772,3)	*(2.273,1)*	+22,0%	*(6.978,5)*	(5.711,5)	*+22,2%*
Lợi nhuận gộp	**456,7**	***359,8***	**+27,0%**	***1.116,7***	**959,6**	***+16,4%***
Biên lợi nhuận gộp	14,14%	*13,66%*	+0,48đ	*13,79%*	14,38%	*-0,59đ*
Doanh thu tài chính	41,0	35,5	+15,5%	*84,0*	88,5	*-5,1%*
Chi phí tài chính	(113,3)	*(75,4)*	+50,2%	*(289,0)*	(248,9)	*+16,1%*
Chi phí bán hàng	(43,0)	*(34,9)*	+23,2%	*(100,3)*	(78,3)	*+28,0%*
Chi phí quản lý	(134,8)	*(137,1)*	-1,6%	*(373,5)*	(366,5)	*+1,9%*
Lãi công ty liên kết	–	–	–	–	–	–
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	206,6	*147,8*	+39,8%	*437,9*	354,4	*+23,6%*
Lợi nhuận trước thuế	187,7	*146,3*	+28,3%	*445,2*	349,8	*+27,3%*
LNST	**151,5**	***117,0***	**+29,5%**	***361,6***	**280,4**	***+29,0%***
EPS (VND)	1.177	*955*	+23,2%	*2.809*	2.287	*+22,8%*

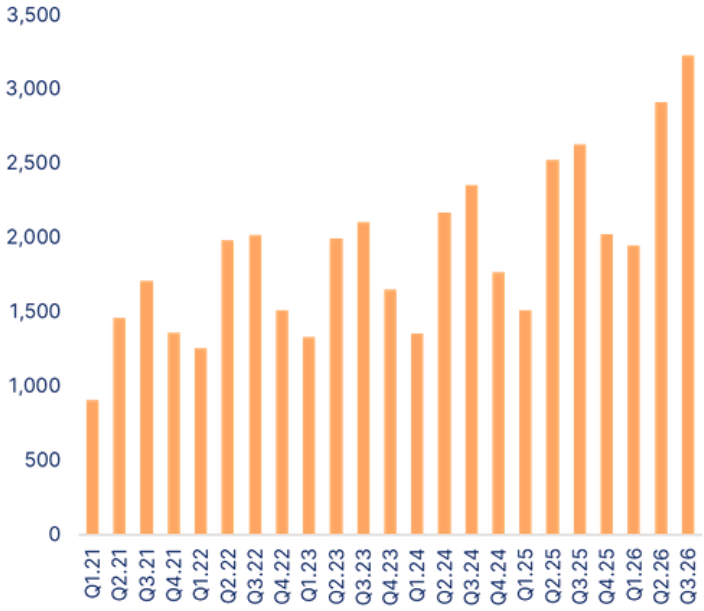
Nguồn: BCTC hợp nhất quý 3/2026 của TNG, SHS tổng hợp.

Doanh thu TNG 10 tháng đầu năm 2026 đều tăng trưởng tốt so với cùng kỳ

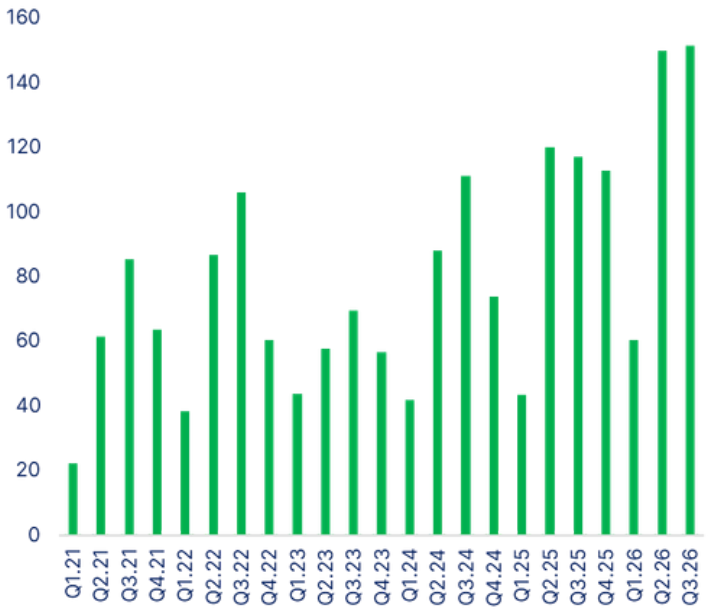


Nguồn: TNG, SHS Research

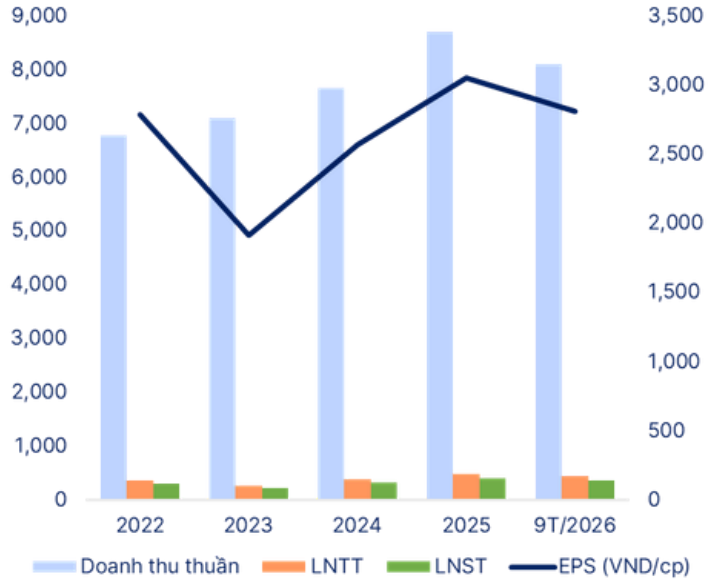
Doanh thu Q3/2026 lập đỉnh mới (3.229 tỷ VND, tăng 22,6% YoY)



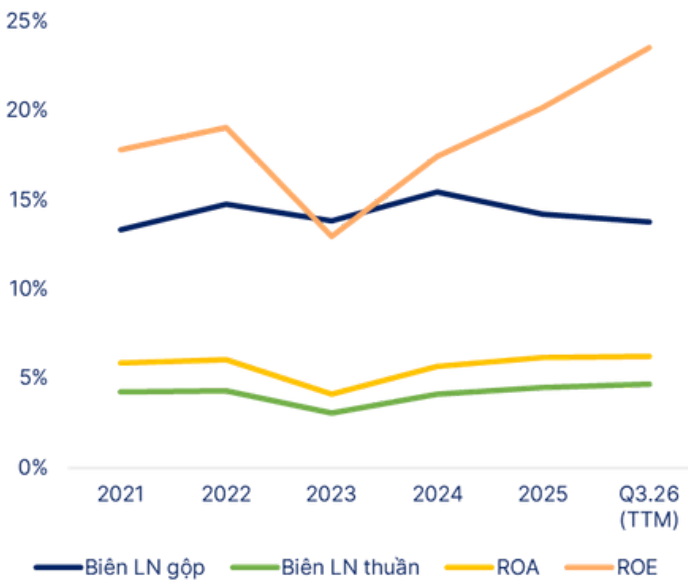
LNST Q3/2026 tăng trưởng tích cực (151,5 tỷ VND, +29,5% YoY)



Kết quả kinh doanh của TNG 2022 - 9T/2026



Chỉ số tài chính TNG 2021 - Q3/2026



Nguồn: TNG, SHS Research

TNG ghi nhận doanh thu thuần Quý III/2026 cao nhất lịch sử, đạt 3.229 tỷ VND, +10,8% QoQ, +22,6% YoY. Lợi nhuận gộp đạt 456,7 tỷ VND, +27,0% YoY và +7,7% QoQ. Biên lợi nhuận gộp đạt 14,1%, cải thiện 0,5 điểm % so với cùng kỳ nhưng thấp hơn mức 14,6% của quý II do giá vốn tăng nhanh hơn doanh thu (+11,3% QoQ). Nguyên nhân chủ yếu đến từ chi phí lao động thời vụ gia tăng nhằm đáp ứng tiến độ giao hàng trong giai đoạn cao điểm tháng 7–8.

Doanh thu hoạt động tài chính Quý III tăng 15,5% YoY và tăng gấp đôi quý trước, đạt 41,0 tỷ VND. Ngoài ra, chi phí tài chính cũng tăng 50,2% YoY lên 113,3 tỷ VND, trong đó chi phí lãi vay đạt 87,4 tỷ VND (+22,6% YoY, +40,2% QoQ). Tính đến ngày 30/09/2026, dư nợ vay ngắn hạn đạt 3.026,8 tỷ VND, tăng 27,7% so với đầu năm; tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn đạt 651,0 tỷ VND, giảm 16,9% so với đầu năm.

Lợi nhuận sau thuế Quý III của TNG đạt 151,5 tỷ VND, +1,1% QoQ, +29,5% YoY, biên lợi nhuận ròng 4,7% (Q3/2025: 4,4%); EPS 1.177 đồng/cổ phiếu, +23,2% YoY.

Kết quả kinh doanh lũy kế 9 tháng đầu năm tăng trưởng tích cực. Lũy kế 9 tháng đầu năm, **TNG ghi nhận doanh thu thuần 8.095,2 tỷ VND, tăng 21,3% YoY, hoàn thành 85,2% kế hoạch năm**. Lợi nhuận gộp đạt 1.116,7 tỷ VND, +16,4% YoY, biên lợi nhuận gộp 13,8%, giảm nhẹ so với mức 14,4% cùng kỳ.

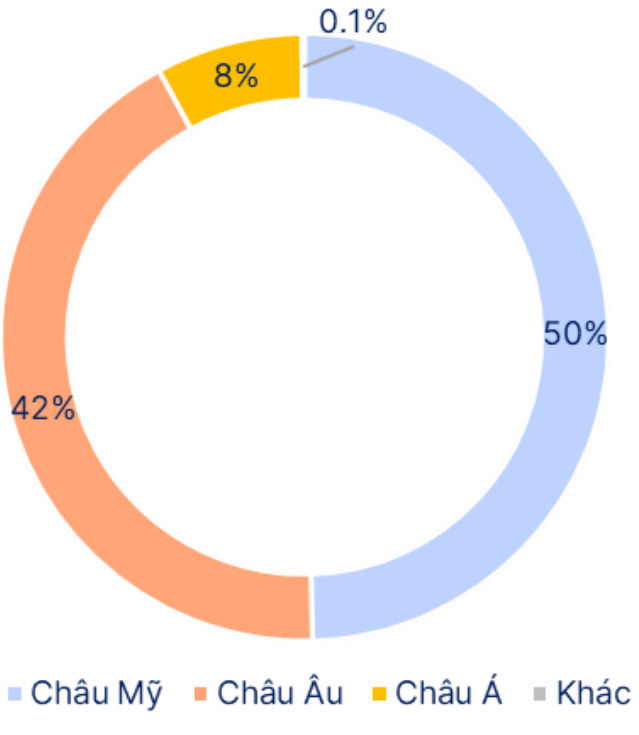
Về thị trường tiêu thụ, **Châu Mỹ tiếp tục đóng vai trò là thị trường tiêu thụ chủ lực,** chiếm 49,6% doanh thu 9 tháng đầu năm, tăng 19,5% YoY. **Thị trường Châu Âu chiếm 42,5% tổng doanh thu, tăng mạnh so với cùng kỳ, +26,5% YoY** với động lực chính đến từ Pháp (+45% YoY) và Hà Lan (+207% YoY). Doanh thu thị trường Châu Á tăng nhẹ, +12% YoY, chiếm 7,8% tổng doanh thu.

Theo khách hàng, **Decathlon vẫn là khách hàng chiến lược lớn nhất**, đóng góp 30,5% doanh thu (+28,1% YoY). Nhờ tập trung vào các sản phẩm phổ thông, thiết yếu, đơn hàng của Decathlon ít chịu ảnh hưởng từ biến động sức mua thị trường. **Haddad là động lực tăng trưởng mạnh nhất**, doanh thu 9 tháng đầu năm tăng 195,7% YoY, nâng tỷ trọng lên 15,4%, trở thành khách hàng lớn thứ hai của TNG. Tăng trưởng được thúc đẩy bởi nhu cầu trang phục thể thao phục vụ mùa World Cup và sức mua cải thiện tại thị trường Mỹ. Ở chiều ngược lại, **doanh thu suy giảm tại nhóm khách hàng**: Columbia (-7,3% YoY, chiếm 9,3%), LT Apparel (-18,3% YoY, chiếm 5,5%), Sportmaster (-17,2% YoY, chiếm 5,4%) và TCP (-18,1%, còn 3,5%).

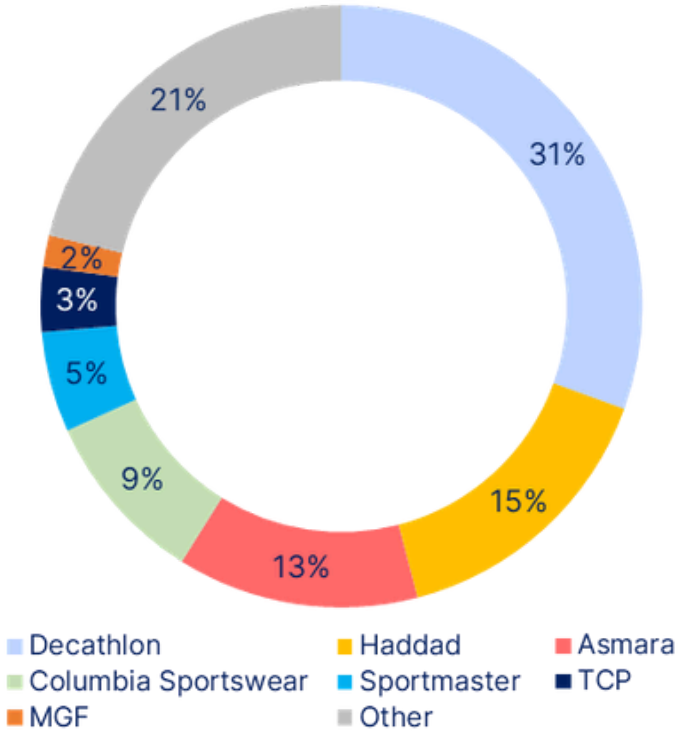
Lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm đạt 361,6 tỷ VND, +29,0% YoY, hoàn thành 80,4% kế hoạch năm. Biên lợi nhuận ròng 4,5%, cải thiện so với mức 4,2% cùng kỳ; tương ứng EPS 2.809 VND/cổ phiếu, +22,8% YoY.

Triển vọng năm 2027: Đơn hàng đã được lấp đầy đến hết Q1/2027, và đến hết tháng 6/2027 tại một số nhà máy. MGF (Victoria's Secret) là động lực tăng trưởng mới với doanh thu 9T/2026 gấp hơn 5 lần cùng kỳ, dự kiến tiếp tục tăng tốt trong năm 2027. Đơn hàng từ Columbia cũng được kỳ vọng phục hồi nhờ dịch chuyển đơn hàng từ các khu vực bất ổn địa chính trị (Jordan).

Cơ cấu doanh thu theo khu vực



Cơ cấu doanh thu theo khách hàng



Nguồn: TNG, SHS Research

RỦI RO CHÍNH

Đòn bẩy tài chính và chi phí lãi vay

Tại 30/09/2026, tổng vay và nợ thuê tài chính đạt **4.194,0 tỷ VND, gấp 2,06 lần VCSH**; ở mức cao so với trung bình ngành (MSH 0,5x; TCM 0,4x; VGT 0,5x). **Chi phí lãi vay 9T/2026 đạt 220,7 tỷ VND, chiếm 19,8% lợi nhuận gộp**. Ước tính nếu lãi suất bình quân tăng 100 điểm cơ bản, chi phí lãi vay sẽ tăng thêm khoảng 42 tỷ/năm, tương đương khoảng 9% LNST 2026F.

Rủi ro thuế quan và thị trường xuất khẩu

Mỹ công bố mức thuế bổ sung theo Mục 301 áp dụng từ 24/07/2026: Việt Nam chịu thuế suất 12,5%, thuộc nhóm 3 quốc gia có mức thuế cao nhất trong 10 nước xuất khẩu dệt may lớn vào Mỹ, trong khi Bangladesh, Ấn Độ, Campuchia, Indonesia và Pakistan chỉ chịu mức 10%, làm gia tăng bất lợi về cạnh tranh giá cho doanh nghiệp Việt Nam.

TNG phụ thuộc lớn vào xuất khẩu, (doanh thu xuất khẩu chiếm trên 97% tổng doanh thu) với thị trường chính tại Châu Mỹ (50%) và Châu Âu (42%). Do đó, nếu sức mua tại Mỹ hoặc EU suy yếu, khách hàng có thể giảm hoặc trì hoãn đơn hàng, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và tỷ lệ lấp đầy công suất của doanh nghiệp.

Rủi ro pháp lý và tuân thủ

Là doanh nghiệp niêm yết và hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu, TNG chịu sự điều chỉnh của nhiều quy định pháp luật liên quan đến lao động, bảo hiểm, kế toán, chứng khoán, thuế, môi trường, hải quan và quy tắc xuất xứ. Các hiệp định thương mại như EVFTA cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về tiêu chuẩn đầu vào, nguồn gốc nguyên liệu và điều kiện xuất khẩu. Nếu không cập nhật kịp thời, doanh nghiệp có thể phát sinh chi phí tuân thủ hoặc gặp rủi ro trong quá trình xuất khẩu..

Rủi ro đầu tư ngoài ngành

Bên cạnh may mặc, TNG có tham gia vào lĩnh vực BĐS chủ yếu thông qua **TNG Land** với tỷ lệ sở hữu 41,7% tương đương với giá trị đầu tư **280 tỷ VND** (tăng 140 tỷ VND trong 9 tháng đầu năm). Khoản đầu tư này có thể tạo giá trị dài hạn, nhưng cũng làm gia tăng rủi ro phân tán nguồn lực khỏi mảng kinh doanh cốt lõi. Hiện tại, Công ty cổ phần TNG Land đang triển khai dự án Nhà ở xã hội TNG Việt Bắc (khởi công 23/02/2026) với tổng diện tích 1,89 ha, quy mô dân số khoảng 2.418 người, dự án đang tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà đợt 1.

Rủi ro vận hành, phòng cháy chữa cháy và một số rủi ro khác

Đặc thù ngành may mặc sử dụng nhiều vật liệu dễ cháy như vải, sợi, bông, trong khi máy móc vận hành liên tục và mật độ lao động cao. Vì vậy, TNG luôn đối mặt với rủi ro cháy nổ, tai nạn lao động hoặc sự cố kỹ thuật có thể làm gián đoạn hoạt động sản xuất, ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng và uy tín với khách hàng quốc tế. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng chịu rủi ro từ các yếu tố bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh, xung đột địa chính trị hoặc gián đoạn logistics.

THÔNG TIN CẬP NHẬT KHÁC - Dự án triển khai trong năm 2027

Trong năm 2027, **TNG dự kiến đầu tư khoảng 500 tỷ đồng để mở rộng nhà máy Đại Từ 2**, với **CSTK 32 chuyền may**, trong đó dự kiến đưa vào vận hành thương mại 20 chuyền may trong tháng 10 – 11/2027 và có thể được đẩy sớm lên nếu tiến độ giải phóng mặt bằng thuận lợi. SHS ước tính, sau khi đưa vào vận hành thương mại, nhà máy Đại Từ 2 đem lại cho TNG thêm lần lượt 150 tỷ VND và 235 tỷ VND doanh thu trong năm 2027F và 2028F.

TNG duy trì chính sách cổ tức tiền mặt đều đặn: Công ty đã hoàn tất chi trả cổ tức đợt 1/2026 với tỷ lệ 10% và thông qua phương án chi trả đợt 2 với tỷ lệ 5%, ngày đăng ký cuối cùng là 11/11/2026. Như vậy, tổng cổ tức tiền mặt năm 2026 đạt 15%, khoảng 193 tỷ VND, tương đương 41% LNST dự phóng năm 2026F. Ngoài ra, Ban lãnh đạo cho biết tổng tỷ lệ cổ tức năm 2026 có thể lên tới 25%, phần còn lại dự kiến được chi trả trước Tết Nguyên đán và sau ĐHĐCĐ, có thể kết hợp giữa tiền mặt và cổ phiếu. Với mức cổ tức tiền mặt 15%, tỷ suất cổ tức đạt khoảng 8,3% so với giá đóng cửa ngày 03/11/2026 (18.100 VND/cp), **thuộc nhóm cao trong ngành.**

ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi nâng dự phóng LNST CĐ mẹ năm 2026F lên 470 tỷ đồng (+19,6% YoY) và năm 2027F lên 488 tỷ đồng (+3,9% YoY), nhờ kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm tích cực. Giá mục tiêu theo phương pháp FCFF **được nâng lên 21.600 đồng/cp** (từ 20.400 đồng/cp trong báo cáo trước), tương ứng **upside 19,3% và đưa ra khuyến nghị KHẢ QUAN**. Tại mức giá mục tiêu, TNG giao dịch với mức P/E 2027F là 5,7 lần.

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Dự phóng cũ		Dự phóng mới		Tăng trưởng YoY	
	2026F	2027F	2026F	2027F	2026F	2027F
Doanh thu thuần	9.444	10.061	10.477	11.561	20,4%	10,4%
Lợi nhuận gộp	1.377	1.467	1.457	1.606	17,5%	10,3%
LNST CĐ mẹ	417	442	470	488	19,6%	3,9%
EPS (đồng)	3.240	3.436	3.652	3.794	19,6%	3,9%

Định giá theo phương pháp FCFF

Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ VND)
Tổng giá trị hiện tại của dòng tiền	5.318
(+) Tiền & ĐTNH cuối 2025	784
(–) Nợ vay cuối 2025	3.327
(–) Lợi ích CĐTS	-
Giá trị vốn chủ sở hữu	2.775
Số CP lưu hành (triệu)	128,7
Giá trị/cp (đồng)	21.554
Giá mục tiêu (đồng/cp)	**21.600**

PHỤ LỤC 1

Bảng cân đối kế toán (tỷ VND)	2024A	2025A	2026F	2027F
Tài sản ngắn hạn	**2.637,6**	**3.368,3**	**4.006,9**	**4.479,7**
Tiền/tương đương tiền	444,6	317,2	419,1	462,5
Đầu tư ngắn hạn	260,0	466,6	458,9	506,4
Các khoản phải thu	740,2	1.012,7	1.257,2	1.445,2
Hàng tồn kho	1.074,4	1.445,5	1.694,4	1.870,0
Tài sản khác	118,5	126,3	177,3	195,7
Tài sản dài hạn	**3.179,2**	**3.541,2**	**4.013,8**	**4.594,6**
Tài sản cố định	2.117,2	2.716,1	2.942,1	3.463,7
Đầu tư dài hạn	140,0	140,0	280,0	280,0
Xây dựng cơ bản dở dang	458,7	174,5	259,4	309,4
Tài sản khác	463,3	510,6	532,3	541,5
Tổng tài sản	**5.816,9**	**6.909,5**	**8.020,7**	**9.074,3**
Nợ ngắn hạn	**2.751,0**	**3.817,8**	**4.285,2**	**4.870,7**
Khoản phải trả	776,7	862,1	1.050,6	1.159,4
Người mua trả tiền trước	7,3	3,6	9,3	9,3
Vay nợ ngắn hạn	1.606,7	2.371,0	2.709,2	3.132,6
Nợ khác	360,2	581,0	516,1	569,5
Nợ dài hạn	**1.173,5**	**1.089,3**	**1.456,0**	**1.616,0**
Vay nợ dài hạn	1.093,1	956,3	1.197,2	1.357,2
Nợ khác	80,4	133,0	258,8	258,8
Tổng nợ	3.924,5	4.907,1	5.741,2	6.486,7
Vốn chủ sở hữu	**1.892,4**	**2.002,4**	**2.279,5**	**2.587,6**
Vốn góp	**1.226,0**	**1.287,3**	**1.287,3**	**1.287,3**
Thặng dư vốn cổ phần	41,0	41,0	41,0	41,0
Lợi nhuận giữ lại	**222,3**	**271,0**	**548,1**	**856,2**
Vốn khác	403,1	403,1	403,1	403,1
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-
Tổng nợ và vốn CSH	**5.816,9**	**6.909,5**	**8.020,7**	**9.074,3**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tỷ VND)	2024A	2025A	2026F	2027F
LCTT từ HĐ kinh doanh	746,2	419,2	426,4	542,3
LCTT từ HĐ đầu tư	(494,2)	(880,1)	(710,4)	(902,1)
LCTT từ HĐ tài chính	(91,0)	332,8	385,9	403,1
LCTT trong kỳ	**161,2**	**(127,3)**	**101,8**	**43,4**
Tiền/tương đương tiền đầu kỳ	283,3	444,6	317,2	419,1
Tiền/tương đương tiền cuối kỳ	444,6	317,2	419,1	462,5

Báo cáo kết quả kinh doanh (tỷ VND)	2024A	2025A	2026F	2027F
Doanh thu	**7.656**	**8.699**	**10.477**	**11.561**
Giá vốn hàng bán	6.474	7.459	9.020	9.955
Lợi nhuận gộp	1.182	1.239	1.457	1.606
Chi phí hoạt động	535	559	629	694
Lợi nhuận hoạt động	647	680	828	912
Doanh thu tài chính	**125**	**111**	**118**	**131**
Chi phí tài chính	371	316	388	442
Lợi nhuận khác	2	23	52	23
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	390	485	579	601
Thuế TNDN	76	92	109	113
Lợi nhuận sau thuế	**315**	**393**	**470**	**488**
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-
LNST của cty mẹ	**315**	**393**	**470**	**488**
% Biên LNST	4,1%	4,5%	4,5%	4,2%
EPS (VND)	2.568	3.054	3.652	3.794

Các chỉ số tài chính (tỷ VND)	2024A	2025A	2026F	2027F
Chỉ số định giá				
SLCP lưu hành (triệu cp)	122.601	128.731	128.731	128.731
EPS (VND)	2.568	3.054	3.652	3.794
Chỉ số sinh lời				
Biên LN gộp	15,4%	14,2%	13,9%	13,9%
Biên LN ròng	4,1%	4,5%	4,5%	4,2%
ROE	17,4%	20,2%	22,0%	20,1%
ROA	5,7%	6,2%	6,3%	5,7%
Chỉ số đòn bẩy (lần)				
Chỉ số thanh toán lãi vay	3,1	3,3	2,5	2,4
Tỷ số nợ vay/tổng tài sản	46,4%	48,2%	48,7%	49,5%
Tỷ số nợ vay/VCSH	142,7%	166,2%	171,4%	173,5%
H.số TT hiện hành	1,0	0,9	0,9	0,9
H.số thanh toán nhanh	0,5	0,5	0,5	0,5

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ

Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 20% trở lên trong khoảng thời gian 12 tháng

Khả quan: Kỳ vọng tăng giá từ 10% - 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá đến 10% trong khoảng thời gian 12 tháng

Kém khả quan: Kỳ vọng giảm giá đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá 20% trở lên trong khoảng thời gian 12 tháng

Cần lưu ý: Đây là những mã cổ phiếu có những thông tin bất thường hay có giao dịch bất thường... có ảnh hưởng trọng yếu đến doanh nghiệp. (Mục tiêu cung cấp thông tin cho nhà đầu tư)

Không khuyến nghị: Bộ phận nghiên cứu đang hoặc sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do chủ quan hoặc chỉ để tuân thủ các qui định của luật và/hoặc chính sách công ty trong các trường hợp nhất định tránh các xung đột lợi ích, ví dụ như SHS đang thực hiện tư vấn chiến lược, IPO...

Chưa khuyến nghị: Khuyến nghị đầu tư và giá mục tiêu cho cổ phiếu không được đưa ra do chưa có đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không có hiệu lực đối với cổ phiếu này.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg và FiinGroup.

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Số 43 Lý Thường Kiệt, P. Cửa Nam,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tel: (84-24)-3818 1888
Fax: (84-24)-3818 1688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Tòa nhà SHS,
Số 41 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888
Fax: (84-24)-3818 1688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số 06 Nguyễn Văn Linh, P.Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779
Email: contact-dn@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

SHS

Kiến tạo tài chính thịnh vượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

Website: shs.com.vn

Tel: 1900 63 8588

Email: hotrokhachhang@shs.com.vn

GIAO DỊCH NGAY CÙNG SHS

App trading: SH Smart

Bảng giá: sboard.shs.com.vn

Web trading: shsmart.shs.com.vn